

# THỰC TRẠNG AN NINH TÀI CHÍNH TIỀN TỆ VIỆT NAM

Đoàn Thanh Hà\*

Ngày nhận: 29/2/2016

Ngày nhận bản sửa: 4/4/2016

Ngày duyệt đăng: 25/6/2016

## Tóm tắt:

*An ninh tài chính tiền tệ ổn định, an toàn, vững mạnh, không bị khủng hoảng khi có tác động tiêu cực từ môi trường là vấn đề quan tâm của mọi quốc gia. Nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy an ninh tài chính tiền tệ chưa được đảm bảo. Điều này thể hiện nợ công có xu hướng ngày càng tăng cao; ngân sách nhà nước luôn bội chi ở mức cao; hoạt động tiền tệ không ổn định, sự mất giá của Việt Nam Đồng, nợ xấu cao và hệ thống giám sát chưa đầy đủ. Đồng thời, nghiên cứu cũng đưa ra các khuyến nghị nhằm đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ của Việt Nam trên các khía cạnh đảm bảo an ninh về nợ công, đảm bảo an ninh về ngân sách và đảm bảo an ninh về hệ thống tiền tệ.*

**Từ khóa:** An ninh; Tài chính; Tiền tệ; Việt Nam

## Current situation of monetary stability and financial security in Vietnam

*Abstract:*

*Financial security and monetary stability are interests of many countries. This study shows that financial security and monetary stability have not been guaranteed in Vietnam. The evidences indicate that public debt is increasing; state budget deficit is at a high level; currency operation is in unstable condition; there is the devaluation of Vietnam Dong, high bad debt, and incomplete surveillance system. The study also provides recommendations for ensuring better financial security and monetary stability in Vietnam.*

*Keywords:* Security; financial; monetary; Vietnam.

## 1. Đặt vấn đề

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra những cơ hội để giải phóng tốt các nguồn lực phục vụ sự phát triển đất nước, nhưng cũng đem lại nhiều thách thức, đặc biệt là các nền kinh tế mới chuyển đổi như Việt Nam. Một trong những thách thức là làm sao kiểm soát tình hình tài chính tiền tệ quốc gia ổn định, an toàn góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững.

Vấn đề kiểm soát an ninh tài chính tiền tệ ở Việt Nam trong thời gian qua đã thu được những thành tựu nhất định như: tăng hiệu quả sử dụng vốn; giám sát đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng; chủ

động, linh hoạt phối hợp chính sách tài chính - tiền tệ, kết hợp với các biện pháp kinh tế khác để hạn chế các tình huống bất lợi góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền tài chính tiền tệ Việt Nam vẫn còn nhiều bất ổn như: vấn đề sở hữu nhà nước trong hệ thống tài chính; đô la hóa nền kinh tế; lạm phát còn cao; xung đột lợi ích trong kinh tế; thị trường chứng khoán kém ổn định; thị trường bất động sản còn chứa nhiều bất ổn.

Trong bài viết này chúng tôi tập trung đánh giá thực trạng an ninh tài chính tiền tệ thời gian 2008 - 2015, qua đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ ở Việt Nam.

## 2. Khái niệm an ninh tài chính tiền tệ

Theo Trần Thọ Đạt (2015), an ninh tài chính tiền tệ được hiểu là “trạng thái của hệ thống tài chính khi nó không có các rủi ro, cú sốc tài chính và có khả năng chống đỡ, hấp thụ chúng từ bên trong và bên ngoài hệ thống; nói cách khác, hệ thống tài chính an toàn, miễn nhiễm đối với các rủi ro, chống đỡ được các cú sốc tài chính từ bên trong, bên ngoài hệ thống”. Tuy nhiên, khái niệm này mang tính khái quát, không chỉ ra các đặc trưng, biểu hiện cụ thể của hệ thống tài chính khi mất an ninh.

Theo IMF (2000), hệ thống tài chính được coi là ổn định nếu hội đủ các điều kiện, biểu hiện sau: (i) Có thể chuyển dịch một cách hữu hiệu, thông suốt các nguồn lực từ người tiết kiệm tới nhà đầu tư, (ii) Nhận dạng, đánh giá một cách hợp lý và kiểm soát hữu hiệu các rủi ro tài chính, (iii) Có thể hấp thụ hữu hiệu các cú sốc tài chính và kinh tế thực. Nếu như một hay tất cả các đặc điểm trên không được duy trì, hệ thống tài chính được coi là kém ổn định hay có thể chuyển sang trạng thái bất ổn. Nói cách khác, để đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ, cần kiểm soát các nhân tố, đối tượng có thể phá vỡ trạng thái cân bằng nêu trên.

Theo chúng tôi, an ninh tài chính tiền tệ chỉ một tình trạng tài chính tiền tệ ổn định, an toàn, vững mạnh, không bị khủng hoảng, có khả năng phòng ngừa một cách hiệu quả những tác động tiêu cực từ bên trong và từ nước ngoài. Nội dung của an ninh tài chính tiền tệ đó chính là đảm bảo an ninh về ngân sách, an ninh về nợ công và an ninh về tiền tệ.

## 3. Thực trạng an ninh tài chính tiền tệ Việt Nam trong thời gian qua

### 3.1. Thực trạng an ninh tài chính Việt Nam

Giai đoạn 2008- 2011, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình chỉ đạt 6.07%, giảm so với giai đoạn

2006 – 2007 trung bình đạt 8.35%. Trong giai đoạn này, các chính sách đưa ra chưa thực sự phù hợp, hiệu quả, cộng hưởng với các yếu tố bên ngoài khiến cho lạm phát tăng vọt, đỉnh điểm là hai năm 2008 và 2011, với mức lạm phát lần lượt là 22.97% và 18.58%. Một hệ quả tất yếu là lãi suất cho vay tăng cao, có lúc lên tới 24-25% trong năm 2011, điều này tác động nghiêm trọng đến sự ổn định của hệ thống tài chính. Dự trữ ngoại hối có xu hướng giảm, dù năm 2008 khá an toàn khi tương ứng với 19 tuần nhập khẩu, nhưng những năm sau đều nằm dưới ngưỡng an toàn tương ứng với 2 tuần nhập khẩu. Nguyên nhân là do VND mất giá đẩy tình trạng đô la hóa lên cao, đồng thời cán cân vãng lai liên tục thâm hụt, đặc biệt trong hai năm 2008-2010, với mức độ thâm hụt vượt xa ngưỡng an toàn. Trong hai năm tiếp theo dù đã cải thiện và xuất hiện thặng dư vào năm 2011, song thặng dư thương mại chưa bền vững, mà nguyên nhân chủ yếu là nhu cầu nhập khẩu giảm vì suy giảm kinh tế trong khi cơ cấu và năng lực xuất khẩu chưa có cải thiện. Nợ công và nợ nước ngoài đều có xu hướng tăng vượt qua ngưỡng an toàn dành cho các nước đang phát triển là 40% trong hai năm 2010- 2011.

Tỷ giá hối đoái biến động mạnh, chủ yếu là xu hướng mất giá do một số nguyên nhân như thâm hụt cán cân vãng lai kéo dài, các nhà đầu tư nước ngoài thoái vốn và rút vốn trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước suy thoái, tỷ giá tăng mạnh trên thị trường tự do do người dân đổ xô đi mua ngoại tệ. Thâm hụt ngân sách trong giai đoạn cũng khá nghiêm trọng, tăng vọt trong hai năm 2009 và 2010, do chính sách tài khóa mở rộng để kích thích kinh tế.

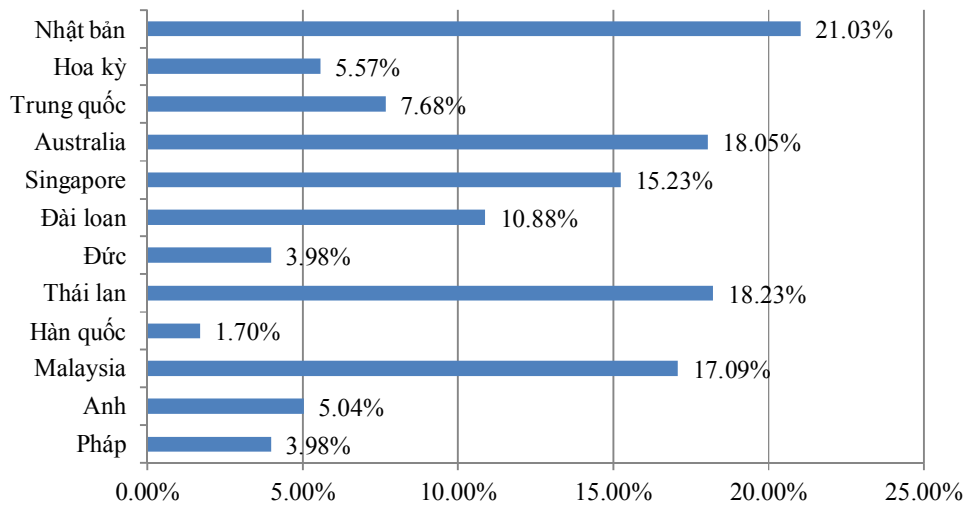
Giai đoạn 2012 – 2015, với những chính sách kinh tế chuyển hướng tích cực từ đối phó ngắn hạn sang ổn định dài hạn, mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát được coi là trọng tâm, chính

**Bảng 1. Diễn biến các chỉ số kinh tế vĩ mô giai đoạn 2008 - 2015**

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tăng trưởng kinh tế (%)	6.23	5.32	6.78	6.24	5.25	5.24	5.98	6.68
Cán cân vãng lai (%GDP)	-11.9	-6.6	-3.9	0.2	5.9	5.5	4.9	0.7
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	24.2	16.8	12.9	14.0	26.1	26.3	34.6	40.0
Bội chi ngân sách (%GDP)	4.95	6.9	5.8	4.4	5.4	6.6	5.3	5.0
Nợ nước ngoài (%/GDP)	29.8	39.0	42.2	41.5	37.4	37.3	39.9	41.5
Nợ công (%GDP)	49.6	53.9	56.3	54.9	50.8	54.2	59.5	61.3

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu từ Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê, Minh Ngọc (2015), Phương Linh (2015),*

**Hình 1. VND mất giá so với một số đồng tiền trong năm 2010**



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Ngân hàng Nhà nước

sách tài khóa và tiền tệ thu hẹp. Những vấn đề tồn tại và nảy sinh trong hệ thống ngân hàng thương mại, thị trường bất động sản, khu vực doanh nghiệp nhà nước... đồng thời bộc lộ và là những bằng chứng rõ ràng nhất cho thấy việc tiếp tục tập trung vào mô hình tăng trưởng theo chiều rộng đã thực sự không còn phù hợp, dư địa tăng trưởng đã cạn kiệt, bản thân nền kinh tế không còn khả năng duy trì tăng trưởng cao và cần thiết phải thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Bước sang năm 2011, mục tiêu tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng đã được đưa ra và bắt đầu thực hiện trên ba lĩnh vực chính là tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; tái cấu trúc thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng; tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước.

Theo Bộ Tài chính (2013) tổng mức nợ công là 54,2% GDP, dư nợ nước ngoài 37,3% GDP. Trong năm 2014, nợ công gia tăng nhanh chóng, lên đến mức 59,5%, và nợ nước ngoài 39,9% GDP. Nguyên nhân là do kinh tế suy thoái, nguồn thu bị đe dọa nghiêm trọng, chính phủ buộc phải tăng vay nợ để chi tiêu và thực hiện các chính sách điều chỉnh nền kinh tế. Bên cạnh đó, rủi ro nợ công của Việt Nam còn nằm ở hai yếu tố: (i) nợ công trên chưa tính đến nợ của khu vực doanh nghiệp nhà nước trong khi khu vực này vẫn luôn nhận được ngân sách “mềm” từ Chính phủ và là nguồn tiềm ẩn đối với nợ công; (ii) tốc độ gia tăng nợ công nhanh trong khi triển

vọng tăng trưởng kinh tế còn nhiều khó khăn phía trước, ngân sách trung hạn thiếu bền vững, tỷ trọng trả nợ vay trong tổng chi ngân sách sắp vượt ngưỡng cho phép đang là nguy cơ rất lớn đến nền kinh tế.

### 3.2. Thực trạng an ninh tiền tệ Việt Nam

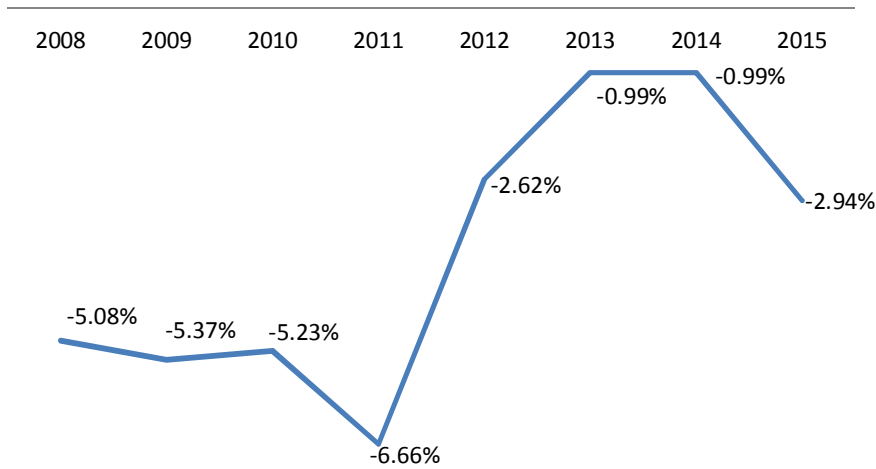
An ninh tiền tệ là bảo đảm sự ổn định giá trị của đồng tiền. Giá trị của đồng tiền được biểu hiện ở hai trạng thái là lạm phát hoặc thiếu phát. Mục tiêu từ 2011- 2015 cũng như dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020, lạm phát thấp được đặt ở vị trí hàng đầu với các mục tiêu khác nhau ở các thời điểm khác nhau, từ “kiểm chế lạm phát”, “kiểm chế lạm phát theo mục tiêu”, đến “kiểm soát lạm phát”. Đồng thời bảo đảm sự ổn định giá trị đồng tiền cũng là chống thiếu phát, bởi thiếu phát sẽ có hiệu ứng phụ là làm cho kinh tế không tăng trưởng, rơi vào trì trệ. Giá trị của đồng tiền còn được biểu hiện ở tỷ giá VND/ngoại tệ, nó thể hiện như sau:

(1) Tỷ giá USD/VND đã chuyển từ tăng cao sang ổn định từ 3 năm nay;

(2) Các yếu tố góp phần ổn định tỷ giá và tỷ giá ổn định đã góp phần làm cho cán cân thanh toán tổng thể thặng dư, góp phần tăng dự trữ ngoại hối, góp phần làm tăng an ninh tài chính quốc gia, tăng tính thanh khoản của đất nước.

Tỷ giá hối đoái tăng từ 16.977 đồng năm 2008 lên 21.890 vào cuối 2015. Nhìn chung, VND mất giá so với USD năm 2008 là 5.08% và mức mất giá sâu vào năm 2011 do ảnh hưởng của khủng hoảng. Tuy nhiên, mức độ mất giá của VND có phần giảm dần

**Hình 2. VND mất giá từ 2008 -2015**



*Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Ngân hàng Nhà nước*

và trong 3 năm gần đây ở mức tương đối ổn định dưới 3%. Việc VND mất giá có lợi cho xuất khẩu, nhưng lại thiệt khi nhập khẩu, khi vay nợ và trả nợ (tính bằng VND).

Về chống nạn tiền giả, ngành ngân hàng đã phối hợp với các bộ, ngành khác rất tích cực và đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, nạn “buôn tiền giả” vẫn xảy ra, tình trạng gian lận và ăn cắp tiền qua thẻ, máy ATM... ngày một tinh vi. Về tội phạm “rửa tiền” cần được quan tâm điều tra xác minh trong điều kiện Việt Nam hội nhập ngày một sâu rộng, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam hiện nay giá cả nhiều loại tài sản, doanh nghiệp đang định giá ở mức thấp.

An ninh tiền tệ còn là việc chống đô la hoá, vàng hoá. Kiểm soát lạm phát ở mức thấp là công cụ chống đô la hoá, chống vàng hoá một cách hữu hiệu nhất. Ổn định tỷ giá, phương thức điều chỉnh tỷ giá linh hoạt, điều hành lãi suất giữa nội tệ và ngoại tệ theo hướng nâng cao lòng tin vào đồng tiền quốc gia.

An ninh tiền tệ gắn với sự an toàn của hệ thống ngân hàng. Sau ba thập kỷ cải cách tuy đã có nhiều tiến bộ đáng ghi nhận nhưng vẫn tồn tại nhiều rủi ro, đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, là tiềm ẩn các rủi ro chéo giữa khu vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và các rủi ro mang tính hệ thống từ sự bất ổn của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như từ các cú sốc bên ngoài. Theo báo cáo từ công ty đánh giá tín dụng bảo hiểm của Mỹ là A. M. Best (AMB), mức độ rủi ro trong hệ thống tài chính và nền kinh tế Việt Nam đã lần lượt bị đánh giá là “Rất cao” (Đình

Hạnh, 2015). Do kinh tế tăng trưởng chậm lại những năm gần đây, hệ thống tài chính vốn hoá có giá trị tương đương 200% GDP hằng năm đang bộc lộ những hạn chế, khó khăn. Cụ thể, nợ xấu ước tính lên tới khoảng 12% tổng dư nợ tại thời điểm cuối năm 2012, tức cao hơn nhiều số liệu báo cáo của các tổ chức tín dụng và vượt ngưỡng an toàn 3%. ROA bình quân giảm từ 1,8% năm 2007 xuống 0,5% trong năm 2012 (Huyền Thư, 2016). Theo Ngân hàng thế giới (2014), báo cáo đánh giá khu vực tài chính Việt Nam cho thấy đã đạt được những tiến bộ như tăng trưởng kinh tế đạt trên 5% và thu nhập đầu người tăng gấp 3 lần. Tuy nhiên, thị trường vốn và khuôn khổ chính sách tiền tệ trong nước vẫn bị xem là chưa phát triển nhiều. Các mức giới hạn trong các chính sách tiền tệ vẫn chưa được nới bỏ, phần nào hạn chế sự tự do, linh hoạt của hệ thống tài chính. Trong những năm qua hệ thống ngân hàng đã tích cực xử lý nợ xấu nhưng nhìn chung vẫn đang ở mức cao. Tính đến tháng 2 năm 2015 công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng đã mua 2,7 tỷ USD nợ xấu. Ước tính tỷ lệ nợ xấu đã giảm đáng kể từ mức 9% vào năm 2012 xuống còn 4,9% vào năm 2014 và tính đến tháng 8/2015 đã giảm xuống còn 3,2%.

Vấn đề nợ xấu lớn, mức độ sở hữu chéo cao và các số liệu báo cáo còn thiếu tin cậy được ngân hàng thế giới nhận định là những rủi ro lớn với hệ thống tài chính của Việt Nam. Sự không đồng nhất giữa số liệu báo cáo của các tổ chức khác nhau bắt nguồn từ việc phân loại nợ và trích lập dự phòng chưa thỏa đáng, đánh giá tài sản thế chấp không đáng tin cậy,



không có cơ chế hiệu quả để buộc các tổ chức phải cập nhật thông tin kịp thời và chất lượng cho thông tin tin dụng.

Như vậy, thực trạng phát triển khu vực tài chính tại Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, trước khủng hoảng 2008, việc giám sát an toàn vĩ mô chưa thực sự được chú trọng thể hiện qua việc một loạt các vấn đề liên quan đến giám sát an toàn vĩ mô chưa được qui định rõ tại các văn bản của nhà nước. Đó là sự thiếu vắng các nội dung như: mục tiêu, khuôn khổ, công cụ của chính sách an toàn vĩ mô, trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong việc thực hiện chính sách an toàn vĩ mô của các cơ quan trong mạng lưới an toàn tài chính (Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bảo hiểm tiền gửi). Những yếu kém trong giám sát tài chính là một nguyên nhân dẫn đến những bất ổn tài chính và khủng hoảng tài chính ở các nước trong hai thập niên gần đây. Ngoài ra, các công cụ phục vụ giám sát an toàn vĩ mô và giám sát an toàn vĩ mô chưa đầy đủ, chuẩn hóa và thống nhất với của quốc tế. Bản thân các cơ quan thanh tra giám sát tài chính cũng còn nhiều bất cập về nhân lực, phương tiện kỹ thuật và công nghệ thu thập, xử lý thông tin; các mô hình phân tích định lượng, cảnh báo, kiểm định rủi ro cho cả hệ thống tài chính và cho từng định chế tài chính còn ít được ứng dụng phục vụ cho hoạt động giám sát từ xa.

#### **4. Một số khuyến nghị nhằm đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ ở Việt Nam**

##### **4.1. Về đảm bảo an ninh về nợ công**

Một là, đảm bảo an ninh tài chính nội địa trong đầu tư phát triển. Thu hút các nguồn lực trong nước để đầu tư cho phát triển là sự khẳng định sức mạnh nội lực của một nền kinh tế. Đây là nguồn vốn đầu tư phát triển đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Cần phải củng cố các khoản đầu tư có sử dụng các nguồn vốn trong nước, vì đây là nguồn vốn vừa cơ bản vừa lâu dài. Chiến lược đầu tư sai trong một giai đoạn nhất định sẽ làm suy yếu nền tài chính quốc gia. Vì vậy, cần phải xác định cơ cấu đầu tư, hướng đầu tư và chiến lược đầu tư phù hợp với từng yêu cầu của các giai đoạn cụ thể. Cùng với việc đẩy mạnh đầu tư từ nguồn vốn nội địa cần đẩy mạnh hoạt động huy động vốn quốc gia thông qua các kênh khác nhau nhằm phân tán rủi ro trong nền kinh tế. Mặt khác, nhà nước cần tạo một hành lang pháp lý an toàn, hiệu lực hiệu quả nhằm huy động và sử dụng tối ưu nguồn vốn nội địa cho

đầu tư phát triển. Điều chỉnh mục tiêu, cơ cấu lĩnh vực đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển, ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và các dự án trọng điểm; Nhà nước chỉ nên đầu tư với tư cách khởi động vào những lĩnh vực then chốt để hướng dẫn và khuyến khích các khu vực khác đầu tư theo định hướng chiến lược của cả nước; giảm dần tỷ trọng đầu tư nhà nước vào các khu vực kinh tế có môi trường cạnh tranh cao. Tiếp tục duy trì và nâng tỷ trọng đầu tư phát triển trong chi ngân sách quốc gia hàng năm. Đồng thời, thúc đẩy mạnh mẽ các hình thức đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội; tăng chi trả nợ, giảm số vay đảo nợ. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế; thúc đẩy cải cách mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công kết hợp xã hội hóa, cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công có điều kiện nhằm nâng cao hiệu quả chi, giảm áp lực bố trí chi từ ngân sách nhà nước.

Hai là, đảm bảo an ninh tài chính đối ngoại thông qua việc nâng cao việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn nước ngoài, đảm bảo nguồn trả nợ vững chắc nhằm loại bỏ nguy cơ mất an ninh tài chính. Vì nguồn vốn nước ngoài dưới các hình thức FDI, ODA,... thực chất là những khoản nợ luôn tiềm ẩn những rủi ro. Do đó, cần tăng cường quản lý các khoản nợ nước ngoài ở mức vay an toàn, có nguồn trả đối ứng cụ thể. Trước mắt, cần cơ cấu lại các khoản nợ công, đẩy mạnh các khoản vay trung, dài hạn, triển khai có hiệu quả các nghiệp vụ quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công; ưu tiên bố trí chi trả nợ; nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản vay của Chính phủ, giảm dần hạn mức cấp bảo lãnh Chính phủ; rà soát, loại bỏ các dự án không hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ các khoản bảo lãnh Chính phủ, các khoản nợ của chính quyền địa phương, nợ xây dựng cơ bản của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản vay về cho vay lại, để giảm thiểu phát sinh các nghĩa vụ nợ dự phòng của Chính phủ; tăng cường phát triển thị trường vốn trong nước cả về chiều rộng và chiều sâu nhằm đa dạng hóa kỳ hạn phát hành, trong đó tập trung phát hành trái phiếu chính phủ kỳ hạn dài từ 05 năm trở lên.

Ba là, các biện pháp nâng cao năng lực hoạt động của toàn bộ nền kinh tế nói chung và năng lực kiểm soát an ninh tài chính của các doanh nghiệp Việt

Nam nói riêng là việc làm rất quan trọng có ảnh hưởng lớn đến an ninh tài chính quốc gia. Đây mạnh tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng các nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên. Thúc đẩy xã hội hóa sở hữu và sản xuất kinh doanh, khuyến khích phát triển các hình thức doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích hình thành cụm liên kết, tạo ra chuỗi giá trị lớn. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh nhằm tạo sức mạnh tổng thể cho nền kinh tế.

#### **4.2. Về đảm bảo an ninh về ngân sách**

Một là, cần phải xây dựng hệ thống ngân sách nhà nước an toàn, phát triển và có vai trò định hướng chiến lược trong hệ thống tài chính quốc gia. Ngân sách nhà nước mạnh sẽ làm cho nhà nước chủ động hơn trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô và giải quyết kịp thời những khó khăn, sự cố tài chính vĩ mô. Do vậy, cần xây dựng hệ thống thuế minh bạch công bằng để tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước. Cùng với việc nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước cần tăng cường quản lý thu, nộp, hạch toán, kiểm tra quyết toán thuế. Giải quyết hài hòa về lợi ích kinh tế giữa nhà nước, doanh nghiệp và xã hội khi ban hành các chính sách chế độ động viên ngân sách nhà nước. Vừa đảm bảo nguồn thu tài chính để nhà nước thực hiện điều chỉnh vĩ mô, thực hiện các chính sách xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng vừa không kìm hãm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người sản xuất, giải phóng sức lao động của toàn bộ nền kinh tế.

Hai là, sử dụng ngân sách nhà nước một cách tiết kiệm, hiệu quả cần phải được quan tâm hàng đầu hiện nay. Bởi tình trạng thất thoát trong sử dụng ngân sách nhà nước không chỉ do tham nhũng lãng phí mà còn do ảnh hưởng của cơ chế quản lý cũ nên nhiều doanh nghiệp nhà nước còn thua lỗ hoặc hiệu quả chưa cao gây mất vốn nhà nước. Cần duy trì bội chi ngân sách ở một tỷ lệ hợp lý, vay nợ nước ngoài được sử dụng hiệu quả đúng mục đích, quản lý tốt nguồn thu chi ngân sách... chính là việc làm góp

phần lãnh mạnh hóa nền tài chính quốc gia.

#### **4.3. Đảm bảo an ninh về tiền tệ**

Một là, cần nâng cao năng lực giám sát tài chính tiền tệ quốc gia, việc làm này cần được tiến hành thường xuyên liên tục và phải đặt ra trong quy trình vận hành hệ thống tiền tệ quốc gia. Ở nước ta Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia là cơ quan đặc biệt vừa có chức năng hoạt động độc lập vừa có chức năng hoạt động phối hợp. Vì vậy, cơ quan này cần phải được cung cấp đầy đủ thông tin, được trang bị các phương tiện hiện đại để đánh giá và xử lý tình hình. Trong trường hợp cần thiết có quyền yêu cầu các cơ quan liên quan cung cấp số liệu, tình hình hoạt động, kể cả việc huy động những chuyên gia đầu ngành để phục vụ nhiệm vụ giám sát. Trong cơ cấu của cơ quan này cần thiết phải có bộ phận chuyên trách hoặc phối hợp với cơ quan chức năng khác hoạt động như một cơ quan tình báo kinh tế chuyên thu thập và xử lý những thông tin đặc biệt nhạy cảm có liên quan đến an ninh tài chính quốc gia. Ngoài ra, cơ quan Giám sát tài chính quốc gia cần thường xuyên nghiên cứu diễn biến và dự đoán tác động của các xu hướng tài chính tiền tệ trong nước, trong khu vực và trên thế giới; chú trọng theo dõi cơ cấu và động thái nợ quốc gia để kịp thời ngăn chặn khủng hoảng nợ, tránh rơi vào tình trạng không kiểm soát được nợ; xây dựng và hoàn thiện chỉ tiêu giám sát tài chính quốc gia dựa trên các chuẩn mực quốc tế; thực hiện giám sát toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng và hoạt động của thị trường tài chính nhằm hạ thấp mức độ rủi ro, kịp thời cảnh báo những nguy cơ làm mất an ninh trong hệ thống trung gian tài chính; tạo lập hệ thống cảnh báo chung nguy cơ mất an toàn về tài chính đối với doanh nghiệp và khu vực dân cư. Việc thực hiện thanh tra giám sát cần thực hiện chủ động thay vì giám sát tính tuân thủ thì cần tích cực hoàn thiện các chỉ tiêu để giám sát từ xa và đưa ra các cảnh báo cho chính phủ và các tổ chức tín dụng.

Hai là, hoàn thiện hệ thống tài chính, hướng tới xây dựng hệ thống tài chính lành mạnh. Tiếp tục tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại thông qua mua bán sáp nhập M&A có thể giảm xuống còn khoảng 15 đến 20 ngân hàng thương mại trong năm 2017 để tạo dựng các ngân hàng thương mại có sức cạnh tranh cao hơn. An ninh tiền tệ gắn với sự an toàn của hệ thống ngân hàng. Nói đến an toàn hệ thống, bản thân từng ngân hàng thương mại phải thực hiện đúng quy định của pháp luật trong sở hữu,

nâng cao trình độ quản lý, quản trị nội bộ, quản trị rủi ro, khống chế nợ xấu, có dự phòng tài chính đầy đủ... Ngân hàng nhà nước cần tăng cường giám sát kiểm tra để khắc phục tình trạng sở hữu chéo. Bên cạnh đó, thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng chế độ tỷ giá hối đoái linh hoạt, kiểm soát tốt các rủi ro trong hoạt động tài chính ngân hàng. Đồng thời cần tiến hành các biện pháp mạnh để hạn chế sử dụng tiền mặt trong các giao dịch kinh tế, kiểm soát thị trường ngoại hối, thị trường vàng trên thị trường tự do, kiểm soát tất cả các hoạt động thu nhập bất chính và có ảnh hưởng xấu tới an ninh tài chính. Thị trường chứng khoán cần được duy trì an toàn, ổn định phù hợp với các quy luật của thị trường và có sự kiểm soát của nhà nước.

## 5. Kết luận

Đảm bảo an ninh tài chính là vấn đề của quốc gia đòi hỏi sự kiểm soát chặt từ nhiều phía để đề phòng các cú sốc rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Do đó, nhà nước cần có chính sách thích hợp để khuyến khích người dân sử dụng khoản tiết kiệm đó theo hướng tác động tích cực tới sự phát triển chung của nền kinh tế, như tự sản xuất, kinh doanh hay đầu tư vào thị trường tài chính. Trước hết và căn bản vẫn là phải quyết liệt tái cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là đẩy mạnh tái cơ cấu hệ thống tài chính nhằm đạt được ổn định và tăng trưởng bền vững nền kinh tế thực và một hệ thống tài chính lành mạnh. Bên cạnh đó, cần phải xây dựng một mô hình giám sát tài chính có hiệu quả và theo thông lệ quốc tế. □

### Tài liệu tham khảo

- Huyền Thư (2016), *Hệ thống tài chính Việt Nam gặp nhiều khó khăn*, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 3 năm 2016, từ <<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/ngan-hang/wb-he-thong-tai-chinh-viet-nam-gap-nhieu-kho-khan-3073914.html>>.
- Đình Hạnh (2015), *Hệ thống tài chính Việt Nam bị đánh giá rủi ro ở mức “rất cao”*, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 3 năm 2016, từ <<http://nhipcdaudautu.vn/kinh-te/he-thong-tai-chinh-viet-nam-bi-danh-gia-rui-ro-o-muc-rat-cao-3283870/#ixzz43cQpJSLP>>.
- Minh Ngọc (2015), *Nợ công, bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 sẽ giảm dần*, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 3 năm 2016, từ <<http://enternews.vn/no-cong-boi-chi-nsnn-giai-doan-2016-2020-se-giam-dan.html>>
- Phuong Linh (2015), *World Bank: Việt Nam nợ công 110 tỷ USD*, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 3 năm 2016, từ <<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/world-bank-viet-nam-no-cong-110-ty-usd-3251846.html>>.
- Trần Thọ Đạt (2015), ‘Đánh giá an ninh tài chính Việt Nam thông qua các chỉ tiêu an toàn tài chính giai đoạn 2006-2014’, Kỷ yếu hội thảo “*An ninh tài chính trong bối cảnh toàn cầu hóa và những giải pháp đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ*”, Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân.
- World Bank (2014), *Báo cáo đánh giá khu vực tài chính Việt Nam*, truy cập lần cuối ngày 4 tháng 4 năm 2016 từ <<http://cefr.uel.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/cefr/Bcao%20FSAP.pdf>>.
- Bộ Tài chính (2013), *Báo cáo đánh giá bổ sung về kết quả thực hiện NSNN năm 2013, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2014*, Hà Nội
- IMF (2000), “*Macprudential Indicators of Financial System Soundness*”, Washington DC, USA.

---

### Thông tin tác giả:

\* **Đoàn Thanh Hà**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính, ngân hàng

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí ngân hàng, Tạp chí tài chính, Tạp chí công nghệ ngân hàng, Tạp chí Phát triển kinh tế, Tạp chí Kinh tế & phát triển, Asian Journal of Management Sciences*

- Địa chỉ Email: [hadt@buh.edu.vn](mailto:hadt@buh.edu.vn)